

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CƠ GIỚI NINH BÌNH

GIÁO TRÌNH

MÔN HỌC: LUẬT PHÁP VỀ CÁC VẤN ĐỀ XÃ HỘI

NGHỀ: CÔNG TÁC XÃ HỘI

TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG/TRUNG CẤP

*Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-TCGNB ngày.....tháng....năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cơ giới Ninh Bình*

Ninh Bình, năm 2021

TUYÊN BỐ BẢN QUYỀN

Tài liệu này thuộc loại sách giáo trình nên các nguồn thông tin có thể được pháp dùng nguyên bản hoặc trích dùng cho các mục đích về đào tạo và tham khảo.

Mọi mục đích khác mang tính lệch lạc hoặc sử dụng với mục đích kinh doanh thiếu lành mạnh sẽ bị nghiêm cấm.

TaiLieu.vn

MỤC LỤC

Trang

LỜI GIỚI THIỆU

Chương 1: Lý luận chung về chính sách xã hội.

1. Các khái niệm liên quan chính sách xã hội.
2. Vai trò, đặc trưng và phân loại chính sách xã hội.
3. Quan điểm của Đảng về chính sách xã hội.

Chương 2: Chính sách xã hội với nhóm xã hội đặc thù.

1. Chính sách giáo dục đào tạo.
2. Chính sách lao động việc làm.
3. Chính sách dân số, kế hoạch hoá gia đình.
4. Các chính sách bảo đảm xã hội.
5. Các chính sách phòng chống tệ nạn ma túy, mại dâm.
6. Chính sách dân tộc và tôn giáo.
7. Chính sách đối với dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn.

Chương 3: Hoạch định và tổ chức thực hiện.

1. Phân tích chính sách xã hội.
2. Hoạch định chính sách xã hội.
3. Tổ chức thực hiện chính sách xã hội.

TÀI LIỆU THAM KHẢO.....

LỜI NÓI ĐẦU

Chính sách xã hội là một trong các công cụ, biện pháp để Nhà nước tiến hành phát triển toàn diện con người. Chính sách xã hội là chính sách đối với con người, nó phát huy mọi tiềm năng, nguồn lực con người trong việc ổn định và phát triển xã hội, nó ảnh hưởng to lớn đến sự phát triển của xã hội. Nhiệm vụ của chính sách xã hội là căn cứ trên các yếu tố kinh tế xã hội để đề ra và thực thi biện pháp, các giải pháp làm cho con người, cho nhân dân lao động có điều kiện sống ngày càng tốt hơn về cả vật chất lẫn tinh thần. Thực thi các chính sách xã hội để khơi dậy tính tích cực, kích thích kinh tế xã hội phát triển, góp phần điều tiết quan hệ xã hội nhằm bảo đảm và thiết lập xã hội công bằng, văn minh, để con người chăm lo làm việc tốt cho mình và cho xã hội.

Học tập, nghiên cứu, vận dụng các chính sách xã hội vào thực tiễn cuộc sống là việc làm có ý nghĩa to lớn trong việc thực thi các nhiệm vụ mà Nhà nước giao cho mỗi cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên ở các cấp trong bộ máy các cơ quan Đảng, Nhà nước, các tổ chức xã hội, đặc biệt là đối với các nhân viên làm công tác xã hội trong việc hỗ trợ, tư vấn, can thiệp, đề xuất, hoạch định và triển khai kế hoạch trợ giúp thân chủ.

Giáo trình Chính sách xã hội được biên soạn trên cơ sở tuân thủ các nội dung chính trong chương trình khung của Nhà nước, có tham khảo các tài liệu của các tác giả có uy tín và đặc biệt được cập nhật các chủ trương, chính sách xã hội mới nhất của Đảng và Nhà nước. Giáo trình là tài liệu học tập, tham khảo chính trong đào tạo nghề Công tác xã hội.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng nhưng do chưa có nhiều kinh nghiệm, thời gian còn hạn chế nên giáo trình không thể tránh khỏi những hạn chế, thiếu sót, rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của các thầy cô giáo và các em học sinh, sinh viên.

Nhóm biên soạn

1. Phạm Thanh Bằng
2. Trần Thị Minh Nhiều
3. Nguyễn Thị Lành

GIÁO TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Chính sách xã hội

Mã số môn học: MH 14

Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí môn học: Chính sách xã hội là môn học cơ sở kỹ thuật nghề quan trọng trong chương trình đào tạo nghề công tác xã hội liên quan tới cung cấp dịch vụ cho đối tượng.

- Tính chất của môn học: Là môn lý thuyết cơ sở kỹ thuật nghề bắt buộc.

Mục tiêu môn học:

- Kiến thức:

+ Phân tích được khái niệm chính sách xã hội, quan điểm và vai trò của chính sách xã hội;

+ Trình bày được nội dung cơ bản của chính sách xã hội đối với nhóm xã hội đặc thù.

- Kỹ năng:

+ Hoạch định và thực hiện được một số chính sách xã hội;

+ Vận dụng lý luận giải thích các tình huống thực tế.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Rèn luyện tích cực trong học tập như sự chăm chỉ, sáng tạo, tinh thần tự học tự nghiên cứu

+ Tôn trọng đối tượng; tính tự giác, tích cực chủ động tham gia học tập.

Nội dung môn học:

Chương 1: Lý luận chung về chính sách xã hội.

Mục tiêu:

- Kiến thức:

+ Hiểu được các khái niệm liên quan đến chính sách xã hội, đặc trưng và vai trò của chính sách xã hội.

+ Trình bày được các quan điểm của Đảng và Nhà nước về chính sách xã hội.

+ Phân loại được các chính sách xã hội.

- Kỹ năng: Biết vận dụng các đặc điểm của chính sách xã hội để xây dựng các chính sách và dịch vụ trợ giúp đối tượng.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Tích cực trong học tập, nâng cao khả năng tự nghiên cứu trau dồi kiến thức; Tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, đường lối và chính sách đối với xã hội nói chung và đối tượng đặc thù nói riêng.

Nội dung chương:

I. Các khái niệm có liên quan đến chính sách xã hội.

1. Xã hội là gì?

Theo nghĩa hẹp, nói đến "xã hội" là thường đề cập đến một nhóm người sống cùng trong một cộng đồng có lẽ lối, phong tục, nền kinh tế, thể chế chính trị...giống nhau ví dụ như là xã hội Anh hoặc xã hội Mỹ...

Theo nghĩa rộng "xã hội" được hiểu như là tất cả những gì gắn với xã hội loài người nhằm phân biệt nó với các hiện tượng tự nhiên. Một xã hội là một tập hợp những sinh vật được tổ chức, có phân công lao động, tồn tại qua thời gian, sống trên một lãnh thổ, trên một địa bàn và chia sẻ những mục đích chung, cùng nhau thực hiện những nhu cầu chủ yếu của đời sống như nhu cầu tái sản xuất, nhu cầu an ninh, các nhu cầu tinh thần...

Cũng theo nghĩa rộng thì "xã hội" cũng không đồng nghĩa với quốc gia, mặc dù trong thế giới hiện nay, khái niệm xã hội thường ám chỉ một quốc gia, một nhà nước, bởi lẽ thông thường một thành viên của xã hội họ nghĩ rằng họ là thành viên của một quốc gia nhất định.

Xã hội con người khác xã hội của loài vật, bởi lẽ con người có khả năng thay đổi hình thái và chức năng của xã hội để thích ứng với hoàn cảnh. Con người có khả năng xây dựng cho mình một nền văn hóa. Văn hóa cho phép con người sống trong xã hội không chỉ dựa trên sự phân công lao động mà còn chia sẻ những giá trị, những niềm tin chung.

Theo Các - Mác và Ăng - ghen thì xã hội là hình thái vận động cao nhất của thế giới vật chất. Hình thái vận động này lấy con người và sự tác động lẫn nhau giữa người và người làm nền tảng. Xã hội biểu hiện tổng số những mối liên hệ và những quan hệ của các cá nhân, "là sản phẩm của tác động qua lại giữa những con người". (Các - Mác và Ph. Ăngghen toàn tập, tập 21)

Từ những nội dung trên có thể hiểu: ***Xã hội là một tập thể hay một nhóm những người sống chung trên cùng một lãnh thổ, có cùng chung những lợi ích, có các mối quan hệ đặc trưng, cùng một thể chế và có cùng nền văn hóa.***

2. Vấn đề xã hội.

Theo các nhà xã hội học thì vấn đề xã hội xuất hiện khi những thành viên của một cộng đồng (lớn hay nhỏ) nhận thấy có những dấu hiệu hoặc điều kiện gây ảnh hưởng, tác động hoặc đe dọa đến chất lượng cuộc sống của họ và đòi hỏi phải có những biện pháp,

giải pháp để phòng ngừa, ngăn chặn giải quyết tình trạng đó theo hướng có lợi cho sự tồn tại và phát triển của cộng đồng.

Vấn đề xã hội là những vấn đề phát sinh trong lòng xã hội liên quan đến con người, liên quan đến sự công bằng, bình đẳng trong xã hội, đến cơ hội tồn tại và phát triển, đến sự hưởng thụ các nhu cầu về vật chất và tinh thần của con người. Đó là các vấn đề có ảnh hưởng tác động, thậm chí đe dọa sự phát triển bình thường của con người, của cộng đồng xã hội, tác động xấu đến chất lượng sống của con người, của cộng đồng và do vậy đòi hỏi phải có những giải pháp, biện pháp kiểm soát, phòng ngừa, ngăn chặn, điều chỉnh hoặc giải quyết theo hướng bảo đảm sự phát triển bền vững của xã hội.

Vấn đề xã hội là những tình huống nảy sinh trong đời sống xã hội mà cách thức và những biện pháp giải quyết của chủ thể (con người, nhóm xã hội) chưa đạt được kết quả mong muốn. chẳng hạn như là nghèo đói, mại dâm, thất nghiệp, ma túy...

3. Khái niệm Chính sách và Chính sách xã hội.

3.1. Chính sách là gì?

Khi nghiên cứu về chính sách chúng ta thấy có rất nhiều cách thức hiểu khác nhau về khái niệm chính sách:

“Chính sách thường được thể chế hóa trong các quyết định, hệ thống pháp luật, các quy chuẩn hành vi và những quy định khác” (Nguyễn Đình Tấn)

“Chính sách là chương trình hành động do các nhà lãnh đạo hay các nhà quản lý đề ra để giải quyết một vấn đề nào đó thuộc phạm vi thẩm quyền của mình”.(Lê Chi Mai)

“Chính sách là một quá trình hành động có mục đích được theo đuổi bởi một hoặc nhiều chủ thể trong việc giải quyết các vấn đề mà họ quan tâm”. (James Anderson. Hoạch định chính sách công, Houghton Mifflin, 1990, tr.5.)

“Chính sách là hoạt động chính trị, liên quan đến những mục tiêu cơ bản, một chuỗi các hành động, một tập hợp các quy tắc và điều chỉnh. Có thể phân tích chính sách theo nghĩa các giá trị, mục tiêu (targets), nguồn lực, phong cách và chiến lược”. (Bùi Thế Cường - Bài giảng: Chính sách xã hội)

Như vậy có thể hiểu rằng: Chính sách là hình thức tác động qua lại giữa các nhóm, tập đoàn xã hội gần trực tiếp hoặc gián tiếp với tổ chức, hoạt động của nhà

nước, của các đảng phái, thiết chế khác nhau của hệ thống chính trị nhằm thực hiện các lợi ích, các mục tiêu, nhiệm vụ của các nhóm, tập đoàn xã hội ấy.

Khi đề cập đến chính sách luôn thấy bao hàm các yếu tố: Chủ thể xây dựng và thực hiện chính sách; Các nhóm xã hội khác nhau bị tác động bởi chính sách; Mục tiêu của chính sách là sự phát triển chung của toàn hệ thống.

Chính sách là tập hợp biện pháp của một chủ thể quản lý, tạo ra sự đối xử khác nhau giữa các nhóm trong một hệ thống xã hội, nhằm phục vụ cho mục tiêu phát triển chung của toàn hệ thống.

3.2. Chính sách xã hội là gì?

3.2.1. Một số quan điểm về chính sách xã hội.

“Chính sách xã hội là lĩnh vực tri thức xã hội học, nghiên cứu hệ thống về các quá trình xã hội, quyết định hoạt động sống của con người trong xã hội. Chính sách xã hội như là sự hoà quyện của khoa học và thực tiễn, là sự phân tích phức hợp, dự báo về các quan hệ, các quá trình xã hội và sự vận động thực tiễn các tri thức thu nhận được nhằm mục đích quản lý các quá trình và quan hệ ấy. (V.z Rogovin - Chính sách xã hội trong xã hội xã hội chủ nghĩa phát triển: Mocska, 1980).

“Chính sách xã hội là công cụ của Đảng và Nhà nước để thực hiện và điều chỉnh những vấn đề xã hội đang được đặt ra đối với con người để thỏa mãn hoặc phần nào đáp ứng các nhu cầu cuộc sống chính đáng của con người, phù hợp với các đối tượng khác nhau, trong những trình độ kinh tế, văn hóa, xã hội của các thời kỳ nhất định, nhằm bảo đảm sự ổn định và phát triển của xã hội...” (Phạm Tất Dong - Chính sách xã hội)

“Chính sách xã hội là hệ thống các quan điểm, cơ chế, giải pháp và biện pháp mà Đảng cầm quyền và Nhà nước đề ra tổ chức thực hiện trong thực tiễn đời sống nhằm kiểm soát, điều tiết và giải quyết các vấn đề xã hội đặt ra trước xã hội” (Phạm Hữu Nghị).

“Chính sách xã hội là loại chính sách được thể chế bằng pháp luật của Nhà Nước thành một hệ thống quan điểm, chủ trương phương hướng và biện pháp để giải quyết những vấn đề xã hội nhất định, trước hết là những vấn đề xã hội liên quan đến công bằng xã hội và phát triển an sinh xã hội, nhằm góp phần ổn định, phát triển và tiến bộ xã hội”. (Lê Trung Nguyệt).

3.2.2. Khái niệm chính sách xã hội.

Từ các quan điểm về về chính sách xã hội nêu trên có thể thấy rằng khái niệm chính sách xã hội bao gồm những yếu tố cơ bản hợp thành sau đây:

- Chủ thể đặt ra chính sách xã hội là ai? Tổ chức nào?
- Nội dung các chính sách xã hội dựa trên những quan điểm, tư tưởng chỉ đạo và thể chế nào?
- Các đối tượng nào sẽ chịu sự tác động của các chính sách xã hội?
- Những mục tiêu nhằm đạt tới của chính sách xã hội là gì?

Như vậy có thể hiểu: ***Chính sách xã hội là một hệ thống những quan điểm, chủ trương, phương hướng, biện pháp của nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội khác được thể chế hoá để giải quyết những vấn đề xã hội mà trước hết là những vấn đề xã hội gay cấp nhằm bảo đảm sự an toàn và phát triển xã hội.***

Chính sách xã hội là chính sách đối với con người, tìm cách tác động vào các hệ thống quan hệ xã hội (quan hệ các giai cấp, các tầng lớp xã hội, quan hệ các nhóm xã hội khác nhau) tác động vào hoàn cảnh sống của con người và của các nhóm xã hội, (bao gồm điều kiện lao động và điều kiện sinh hoạt) nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội, bảo đảm và thiết lập được công bằng xã hội trong điều kiện xã hội nhất định

II. Vai trò, đặc trưng và phân loại chính sách xã hội.

1. Vai trò và nhiệm vụ của chính sách xã hội.

1.1. Vai trò của chính sách xã hội:

- Chính sách xã hội là một trong các công cụ, biện pháp để Nhà nước tiến hành phát triển toàn diện con người. Chính sách xã hội là chính sách đối với con người, nó phát huy mọi tiềm năng, nguồn lực con người trong việc ổn định và phát triển xã hội, nó ảnh hưởng to lớn đến sự phát triển của xã hội. Nhiệm vụ của chính sách xã hội là căn cứ trên các yếu tố kinh tế xã hội để đề ra và thực thi biện pháp, các giải pháp làm cho con người, cho nhân dân lao động có điều kiện sống ngày càng tốt hơn về cả vật chất lẫn tinh thần. Các chính sách xã hội được xây dựng dựa trên nhu cầu hợp lý và lành mạnh của con người cả về vật chất lẫn tinh thần, dựa trên những dự báo khuynh hướng phát triển của con người, của nền kinh tế xã hội để khơi dậy tính tích cực, kích thích kinh tế xã hội phát triển, nó góp phần điều tiết quan hệ xã hội nhằm bảo đảm và thiết lập xã hội công bằng, văn minh, để con người chăm lo làm việc tốt cho mình và cho xã hội. Với ý nghĩa đó, chính sách xã hội thật sự là một nhân tố ảnh hưởng thúc đẩy sự phát triển của xã hội.

- Chính sách xã hội như một công cụ để khắc phục những phân hóa, mâu thuẫn và khác biệt xã hội, để điều tiết các quan hệ xã hội nhằm phát huy khả năng của toàn xã hội vào những mục tiêu chung. Nói cách khác, khi xã hội có “vấn đề xã hội” nảy sinh, tức là cơ cấu xã hội của xã hội đó không còn phù hợp để thúc đẩy xã hội phát triển, khi đó, cần phải điều chỉnh vào các phân hệ của cơ cấu xã hội bằng cách dùng các chính sách xã hội tác động vào để cho xã hội được công bằng, tạo môi trường tích cực cho xã hội phát triển và từ đó hướng tới hình thành cơ cấu xã hội mới phù hợp, tối ưu, đảm bảo cho xã hội tồn tại và phát triển trong sự ổn định. Tóm lại, để đảm bảo xã hội phát triển trong sự ổn định nhất thiết phải có chính sách xã hội hợp lý và giải quyết thỏa đáng các mối quan hệ xã hội trên nhiều khía cạnh và lĩnh vực khác nhau.

- Chính sách xã hội còn có vai trò quan trọng để hướng tới sự công bằng xã hội, do đó tạo tính tích cực, năng động xã hội, làm cho xã hội phát triển bền vững. Vì vậy, công bằng ở đây là sự cân đối mặt bằng giữa các chính sách, là giải quyết chính sách xã hội sao cho vấn đề lợi ích giữa các đối tượng có thể có chênh lệch nhưng xã hội chấp nhận được. Nếu không có chính sách xã hội phù hợp, giải quyết đúng đắn vấn đề mấu chốt này, có thể sẽ làm triệt tiêu các động lực xã hội, dẫn tới sự trì trệ và khủng hoảng xã hội. Bài học kinh nghiệm qua việc áp dụng một chính sách cào bằng chung chung trong thời bao cấp trước đây ở nước ta dẫn đến tình trạng khủng hoảng kinh tế trầm trọng cho thấy rõ điều đó.

1.2. Nhiệm vụ chính sách xã hội.

Để đạt tới sự công bằng an toàn, tạo điều kiện phát triển con người một cách toàn diện, chính sách xã hội thực hiện 5 nhiệm vụ cơ bản như sau:

Một là, tái tạo tiềm năng nhân lực của đất nước thông qua các chính sách về dân số, gia đình, bảo vệ sức khỏe, bảo hộ lao động, tổ chức nghỉ ngơi giải trí, khắc phục các tệ nạn xã hội, bảo đảm an toàn xã hội.

Hai là, góp phần vào việc xây dựng nền tảng vững chắc xã hội với các chính sách về nhà ở, bảo vệ môi trường sinh thái, sự phát triển văn hóa, giáo dục khoa học, nghệ thuật...bảo đảm phát triển bền vững của xã hội.

Ba là, nâng cao dân trí, đào tạo nhân tài cho đất nước, tạo thêm nhiều việc làm cho các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là thanh niên, đào tạo lại và đào tạo mới người lao động để tiếp thu kỹ thuật, công nghệ hiện đại và không ngừng nâng cao năng suất lao động.

Bốn là, tạo điều kiện cho xã hội ngày càng có nhiều khả năng và biết tiêu thụ những sản phẩm vật chất, tinh thần một cách đúng đắn, tiết kiệm, phù hợp với trình độ phát triển sức sản xuất của đất nước và những chuẩn mực đạo đức pháp lý của chế độ xã hội mới.

Năm là, tạo lập, hình thành mô hình lối sống mới theo hướng phát triển toàn diện của cá nhân kết hợp hài hoà với sự phát triển của cộng đồng trên cơ sở kế thừa những giá trị truyền thống đẹp của dân tộc, đồng thời xây dựng những giá trị mới phù hợp với bản sắc dân tộc và yêu cầu của thời đại.

2. Đặc trưng của chính sách xã hội.

Chính sách xã hội khác với chính sách khác như chính sách kinh tế, chính trị, văn hóa, tư tưởng..., sự khác biệt này bắt nguồn từ khía cạnh xã hội, tính chất xã hội của nó. Theo đó ta thấy chính sách xã hội có những đặc trưng cơ bản sau:

- Chính sách xã hội là chính sách đối với con người nhằm vào con người, lấy con người làm trung tâm phát triển con người một cách toàn diện.

- Chính sách xã hội mang tính nhân văn, nhân đạo sâu sắc, luôn hướng tới việc hình thành những giá trị chuẩn mực mới, tiến bộ góp phần đẩy lùi các ác, cái xấu trong xã hội.

- Chính sách xã hội có tính trách nhiệm xã hội cao, bao giờ cũng quan tâm đến số phận của những con người cụ thể, quan tâm đến những cá nhân sống trong những điều kiện thiệt thòi, khó khăn so với mặt bằng chung của xã hội lúc bấy giờ. Tạo điều kiện cho những cá nhân đó phát huy những khả năng vốn có của mình vươn lên hoà nhập với xã hội.

- Chính sách xã hội để thực hiện đúng mục tiêu, đối tượng bao giờ cũng có cơ chế hoạt động, bộ máy nhân sự, chương trình dự án và kinh phí hoạt động riêng của nó.

3. Phân loại chính sách xã hội.

- Xét ở tính phổ biến (gọi là chính sách xã hội phổ biến) có: Chính sách dân số, chính sách lao động và việc làm, chính sách bảo đảm xã hội (BHXH, cứu trợ xã hội, ưu đãi xã hội), chính sách phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội.

- Xét theo giai cấp, tầng lớp xã hội (chính sách xã hội với các giai tầng xã hội) có: Chính sách xã hội với giai cấp công nhân; Chính sách xã hội đối với giai cấp nông dân; Chính sách xã hội đối với tầng lớp trí thức và sinh viên; Chính sách xã hội đối với doanh nghiệp tư nhân...

- Xét theo giới đồng bào (chính sách xã hội đối với các giới đồng bào) có: Các chính sách đối với thanh niên, phụ nữ và gia đình, các dân tộc thiểu số, tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài

- Theo đối tượng, tính chất và phạm vi có các chính sách xã hội được tính đến, được lồng ghép, được xây dựng trong khi hoạch định và thực hiện chính sách kinh tế như: Chính sách xã hội cơ bản, chung cho mọi đối tượng trong cộng đồng (chính sách giáo dục, y tế, bảo hiểm...); Chính sách xã hội cấp bách để tập trung giải quyết một số vấn đề xã hội gay gắt (chính sách việc làm, xóa đói giảm nghèo ...); Chính sách xã hội cho một số đối tượng đặc biệt (người già cô đơn, tàn tật...).

4. Quan hệ giữa chính sách xã hội và chính sách kinh tế.

- Chính sách kinh tế là những chủ trương và biện pháp kinh tế mà Nhà nước áp dụng trong một giai đoạn, một thời kỳ lịch sử nhằm đạt được những yêu cầu và những mục tiêu kinh tế, chính trị nhất định. Chính sách có thể mang tính đường lối, chiến lược lâu dài, có thể mang tính sách lược, ngắn hạn. Chính sách kinh tế được xây dựng trên cơ sở những phân tích, dự báo về các nguồn lực, các tiềm năng của đất nước và những xu hướng phát triển của đời sống xã hội.

- Chính sách kinh tế và chính sách xã hội là những công cụ điều tiết và quản lý vĩ mô của Nhà nước, có tác động đến toàn bộ đời sống kinh tế xã hội của mỗi quốc gia. Thông qua các chính sách kinh tế, chính sách xã hội mà Nhà nước có thể thực hiện được các chức năng chủ yếu của mình như: Nâng cao hiệu quả của nền kinh tế; Bảo đảm công bằng xã hội; Giữ ổn định kinh tế - xã hội:

- Sự phát triển kinh tế cũng đồng thời kéo theo một loạt các vấn đề xã hội, như nạn thất nghiệp, sự phân hoá giàu nghèo, mất cân bằng sinh thái, các chứng bệnh nan y và cả sự thay đổi về các giá trị đạo đức, giá trị tinh thần... Theo quan điểm hiện đại mục tiêu phát triển bền vững không chỉ dựa trên những thành quả của phát triển kinh tế mà còn bao hàm cả các chỉ tiêu về phát triển giáo dục, y tế, xóa đói giảm nghèo, các chỉ tiêu về phát triển con người, phát triển khoa học, công nghệ và chỉ tiêu về bảo vệ môi trường... Chính vì vậy, bên cạnh các chính sách kinh tế, chính sách xã hội đóng vai trò như một cán cân điều tiết, đem lại cuộc sống ngày càng tốt đẹp tạo sự công bằng dân chủ cho mỗi thành viên trong xã hội.

- Chính sách kinh tế và chính sách xã hội là hai phạm trù riêng rẽ nhưng không tách rời nhau, có mối quan hệ tương hỗ và thống nhất. Sự đồng bộ giữa chính sách kinh tế và chính sách xã hội là điều kiện cần và đủ để bình ổn và phát triển của mỗi

quốc gia. Trình độ phát triển kinh tế là điều kiện vật chất để thực hiện chính sách xã hội và ngược lại, sự ổn định, công bằng và tiến độ của xã hội đạt được thông qua các chính sách xã hội lại tạo ra những động lực mạnh mẽ để thực hiện các mục tiêu kinh tế, nhằm làm cho dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

- Chính sách kinh tế và chính sách xã hội đều có mục tiêu chung là phát triển kinh tế - xã hội của mỗi quốc gia. Đây cũng đồng thời là quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và mục tiêu công bằng xã hội. Sự hài hòa, đồng thuận giữa chính sách kinh tế và chính sách xã hội bảo đảm phát triển kinh tế nhanh, mạnh, bền vững nhưng không làm ảnh hưởng đến thực hiện công bằng xã hội, không dẫn đến sự gia tăng khoảng cách giàu cùng kiệt giữa các tầng lớp dân cư, không làm mất ổn định xã hội, không gây xáo trộn và huỷ hoại môi trường sinh thái...

- Tăng trưởng kinh tế không thể giải quyết được tất cả các vấn đề xã hội vì sự tác động của các quy luật kinh tế đã làm cho các chính sách kinh tế không chứa đựng được hết các vấn đề xã hội vốn rất phức tạp. Do đó, cần có các chính sách, chương trình xã hội riêng để giải quyết các vấn đề xã hội cụ thể, nối liền trong từng thời điểm nhất định, do tác động từ mặt trái của kinh tế thị trường. Các chính sách và chương trình xã hội phải được thực hiện đồng thời hay lồng ghép với các chính sách kinh tế để tạo sức mạnh tổng hợp cho sự phát triển.

- Chính sách kinh tế và chính sách xã hội là một thể thống nhất biện chứng, nương tựa vào nhau, ràng buộc lẫn nhau. Sự kết hợp tối ưu giữa chính sách kinh tế và chính sách xã hội có tác động thúc đẩy nhanh sự phát triển kinh tế và tiến bộ xã hội. Nguyên tắc chung cho sự kết hợp đó là chính sách kinh tế phải tạo được động lực trong xã hội, đảm bảo cho xã hội ổn định, đến lượt nó, chính sách xã hội phải thúc đẩy nền kinh tế phát triển vừa phải phù hợp với điều kiện kinh tế cho phép, vừa đặt ra những thách thức mới hướng tới sự phát triển bền vững.

III. Quan điểm và giải pháp của Đảng và Nhà nước về chính sách xã hội. 1.

Quan điểm.

Trong những năm qua, trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lênin và kinh nghiệm các nước, quan điểm của Đảng ta về chính sách xã hội tập trung vào một số điểm được xác định rõ trong các văn kiện đại hội Đảng, đặc biệt là văn kiện Nghị quyết đại hội Đảng lần IX. Tại Nghị quyết Trung ương 5 (khóa XI) đã chỉ rõ: “Chính sách xã hội có vai trò đặc biệt quan trọng, là mục tiêu, là động lực để phát triển nhanh và bền vững trong mọi giai đoạn phát triển”. Mục tiêu cơ bản của chính sách xã hội là

bảo đảm ổn định xã hội, tạo điều kiện cho sự tăng trưởng và phát triển, hướng tới sự công bằng, tiến bộ xã hội, không ngừng cải thiện, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và cuộc sống tốt đẹp, bình đẳng, hạnh phúc của nhân dân. Chính sách xã hội bao trùm trên mọi mặt của đời sống con người, như: điều kiện lao động, sinh hoạt, giáo dục, văn hóa, chăm sóc sức khỏe... và luôn gắn chặt, phụ thuộc rất lớn vào quá trình phát triển kinh tế, bản chất chính trị - xã hội của mỗi quốc gia, dân tộc. Quan điểm của Đảng về chính sách xã hội có thể khái quát như sau:

- Tăng trưởng kinh tế phải gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và trong suốt quá trình phát triển xã hội.

- Mục tiêu phát triển kinh tế đều nhằm phát huy sức mạnh nhân tố con người và vì con người, bên cạnh việc tập trung phát triển kinh tế đồng thời phải quan tâm giải quyết các vấn đề xã hội, coi đây là hướng chiến lược thể hiện bản chất tốt đẹp của chế độ ta.

- Khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với tích cực xóa đói giảm nghèo, thu hẹp dần khoảng cách về trình độ phát triển, về mức sống giữa các vùng, các dân tộc và tầng lớp dân cư.

- Các vấn đề chính sách xã hội đều giải quyết theo tinh thần xã hội hoá. Nhà nước giữ vai trò nòng cốt, đồng thời động viên mỗi người dân, các doanh nghiệp, các tổ chức trong xã hội, các cá nhân và tổ chức nước ngoài cùng tham gia giải quyết những vấn đề xã hội.

2. Các giải pháp cơ bản của một số chính sách xã hội giai đoạn hiện nay.

Các chính sách xã hội giai đoạn 2012-2020 cần sớm được cụ thể hóa và tổ chức thực hiện thông qua các nghị quyết chuyên đề, các nghị quyết phát triển kinh tế - xã hội hằng năm và các chương trình mục tiêu quốc gia theo đúng tinh thần Nghị quyết Đại hội XI của Đảng, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020. Một số chính sách cần tập trung giải quyết đó là:

2.1. Vấn đề lao động và việc làm:

Giải quyết việc làm là một trong những chính sách xã hội cơ bản của quốc gia và đây là một vấn đề bức xúc của xã hội nước ta hiện nay bởi hiện tại tỷ lệ người thất nghiệp ở nước ta cao từ 9-12% lực lượng lao động, đây là số lao động dư dôi trong quá trình tổ chức sắp xếp nền kinh tế thị trường. Hàng năm lại có thêm một triệu người đến tuổi lao động, số người hợp tác lao động về nước tạo áp lực không nhỏ trong việc giải quyết việc làm.

Biện pháp tạo việc làm: Khuyến khích các thành phần kinh tế, phát triển, khuyến khích đầu tư phát triển sản xuất để tạo việc làm, phát triển dịch vụ việc làm, phân bố lại dân cư và lao động trên cả nước, mở rộng kinh tế đối ngoại, đẩy mạnh xuất khẩu lao động, còn ở nông thôn chú ý khôi phục mở rộng ngành nghề truyền thống...

2.2. Vấn đề xoá đói giảm nghèo:

Hiện tượng phân tầng xã hội và phân hoá giàu nghèo xuất hiện ngày càng gay gắt và phổ biến. Do khoảng cách giàu nghèo ngày càng lớn kéo theo hàng loạt những vấn đề xã hội như: Sự khác biệt về mức sống, lối sống, cách sinh hoạt và tâm lý. Một bộ phận người giàu lên nhanh chóng và cũng có một bộ phận người trở nên quá nghèo, do thiên tai rủ ro, côi đơn không nơi nương tựa... Do đó cách duy nhất để rút ngắn khoảng cách giàu nghèo là xoá đói giảm nghèo. Nhà nước đã và đang triển khai thực hiện chính sách xoá đói giảm nghèo, động viên toàn xã hội tham gia phong trào xoá đói giảm nghèo giúp những người khó khăn về vốn, vật tư, kỹ thuật, kinh nghiệm sản xuất đồng thời thực hiện chính sách phúc lợi xã hội, chính sách thuế thu nhập... để rút ngắn khoảng cách giàu nghèo.

2.3. CSXH về hệ thống giáo dục, y tế:

Trong thời kỳ cơ chế thị trường, kinh phí đầu tư cho giáo dục bị giảm nhiều nên giáo dục có nhiều khó khăn ở các cấp học, số người đi học giảm vì một số con em gia đình nghèo khó không có điều kiện đi học, hiện tượng thương mại hóa giáo dục đang có xu hướng gia tăng, chất lượng giáo dục giảm sút, đối với giáo viên chưa có chế độ lương thích hợp ...

Những vấn đề trên đòi hỏi phải có chính sách ưu tiên cho giáo dục nhất là đối với vùng sâu, vùng xa, phải xây dựng một chế độ phúc lợi thích hợp cho giáo viên và giảm, miễn học phí đối với học sinh nghèo.

Đối với hệ thống Y tế cần củng cố và nâng cao chất lượng chăm sóc sức khoẻ cho nhân dân, kiện toàn hệ thống bảo hiểm Y tế, lập quỹ Y tế, giành cho người nghèo vùng sâu, vùng xa cần có chính sách chăm lo, chính sách đời sống của các cán bộ y tế.

2.4. Vấn đề dân số kế hoạch hoá gia đình:

Mức tăng dân số hàng năm ở nước ta vẫn còn cao và gây áp lực đối với kinh tế xã hội. Chính sách áp dụng đối với vấn đề dân số kế hoạch hoá gia đình liên quan đến nhiều chính sách khác. Cần có biện pháp đẩy mạnh tuyên truyền về công

tác dân số có biện pháp hành chính nghiêm khắc đối với những người vi phạm chính sách.

Bên cạnh đó có kế hoạch phân bố dân cư hợp lý để giảm tốc độ tăng dân số quá nhanh ở những vùng sâu, vùng xa, các vùng ít mới ở các vùng đất rộng ít người. Cần tính toán đầy đủ đến yếu tố tâm lý, tập quán, phong tục để có chính sách thích hợp, tuyên truyền bài trừ tâm lý lạc hậu trọng nam khinh nữ...

2.5. Vấn đề tệ nạn xã hội như mại dâm, ma túy, trộm cướp, cờ bạc...

Những tệ nạn này gia tăng đến mức lo ngại. cần huy động sức mạnh của toàn dân, tất cả các ngành, các cấp chính quyền để đẩy lùi, ngăn chặn. Đồng thời phải sử dụng dư luận xã hội để phòng chống, ngăn ngừa và tăng cường giáo dục, tuyên truyền chống tệ nạn này trong toàn xã hội. Tăng cường các biện pháp cưỡng bức hành chính, xử lý nghiêm minh những tên buôn bán ma túy, tổ chức mại dâm tham nhũng.

Trong công cuộc đổi mới hiện nay của đất nước ta, thực hiện chính sách xã hội đúng đắn là động lực to lớn phát huy mọi tiềm năng sáng tạo của nhân dân trong công cuộc xây dựng đất nước. Những năm qua, song song với việc đẩy nhanh phát triển kinh tế, Đảng và nhà nước ta cũng hết sức quan tâm đến chính sách xã hội và nhờ có những quan điểm đúng đắn, hợp lý trong việc xây dựng và thực thi các chính sách xã hội mà đất nước ta đã đạt được những thành tựu lớn về phát triển kinh tế lẫn nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân, tạo điều kiện ngày càng tốt hơn cho việc phát triển nhân cách, phẩm chất, năng lực, trí tuệ và thể chất con người Việt Nam. Những kết quả mà chính sách xã hội mang lại đồng thời cũng phản ánh bản chất và tính ưu việt của chế độ ta, góp phần không nhỏ vào việc giữ vững sự ổn định và phát triển xã hội.

Chương 2: Chính sách xã hội đối với nhóm xã hội đặc thù.

Mục tiêu:

- Kiến thức:

+ Trình bày được các khái niệm và các đặc điểm có liên quan đến các nhóm chính sách đặc thù;

+ Trình bày được các quan điểm, chủ trương, chính sách chung của Đảng và Nhà nước về các chính sách xã hội;

+ Biết và nhớ được các chính sách đối với các nhóm đối tượng thụ hưởng chính sách.

- Kỹ năng:

+ Vận dụng các quy định để thực hiện được chính sách cho từng loại đối tượng đặc thù;

+ Lập kế hoạch tài chính và tổ chức các hoạt động trợ giúp đối tượng.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Tận tâm với đối tượng đặc thù;

+ Tôn trọng quyền được chăm sóc và hỗ trợ của đối tượng xã hội.

Nội dung chương:

I. Chính sách giáo dục đào tạo.

1. Khái niệm, vai trò và cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân.

1.1. Giáo dục.

Từ khi ra đời, giáo dục đã trở thành một yếu tố cơ bản thúc đẩy sự phát triển thông qua việc thực hiện các chức năng xã hội của nó. Đó chính là những tác động tích cực của giáo dục đến các mặt hay các quá trình xã hội và tạo ra sự phát triển cho xã hội. Có nhiều cách hiểu khác nhau về khái niệm “giáo dục”:

- Giáo dục được hiểu là quá trình hình thành và phát triển nhân cách dưới ảnh hưởng của tất cả các hoạt động từ bên ngoài, được thực hiện một cách có ý thức của con người trong nhà trường, gia đình và ngoài xã hội. **Ví dụ:** Ảnh hưởng của các hoạt động đa dạng nội khóa, ngoại khóa của nhà trường; ảnh hưởng của lối dạy bảo, nếp sống trong gia đình; ảnh hưởng của sách vở, tạp chí; ảnh hưởng của những tâm lòng nhân từ của người khác;...

- Giáo dục còn được hiểu là hệ thống những tác động có mục đích xác định được tổ chức một cách khoa học (có kế hoạch, có phương pháp, có hệ thống) của các cơ quan giáo dục chuyên biệt (nhà trường) nhằm phát triển toàn diện nhân cách. Qua những môn học trên trường, lớp cũng như qua những hoạt động như báo

cáo thời sự, biểu diễn văn nghệ, cắm trại, thăm quan,... được tổ chức ngoài giờ lên lớp, sẽ tạo ra những ảnh hưởng tích cực đến sự hình thành và phát triển nhân cách của người được giáo dục, dưới tác động của giáo viên, của nhà giáo dục.

- Giáo dục được hiểu là quá trình hình thành và phát triển nhân cách người giáo dục dưới quan hệ của những tác động sư phạm của nhà trường, chỉ liên quan đến các mặt giáo dục như: trí học, đức học, mỹ dục, thể dục, giáo dục lao động.

- Ngoài ra, giáo dục còn được hiểu là quá trình hình thành và phát triển nhân cách người được giáo dục chỉ liên quan đến giáo dục đạo đức.

Sự ra đời và phát triển của giáo dục gắn liền với sự ra đời và phát triển của xã hội. Một mặt, giáo dục phục vụ cho sự phát triển xã hội, bởi lẽ, xã hội sẽ không phát triển thêm một bước nào nếu như không có những điều kiện cần thiết cho giáo dục tạo ra. Mặt khác, sự phát triển của giáo dục luôn chịu sự quy định của xã hội thông qua những yêu cầu ngày càng cao và những điều kiện ngày càng thuận lợi do sự phát triển xã hội mang lại. Chính vì vậy, trình độ phát triển của giáo dục phản ánh những đặc điểm phát triển của xã hội.

Vậy giáo dục là hiện tượng xã hội đặc biệt, bản chất của nó là sự truyền đạt và lĩnh hội kinh nghiệm lịch sử - xã hội của các thế hệ loài người nhằm nâng cao hiểu biết về thế giới quan khoa học cũng như hình thành nhân cách của con người.

1.2. Đào tạo.

Đào tạo đề cập đến việc dạy các kỹ năng thực hành, nghề nghiệp hay kiến thức liên quan đến một lĩnh vực cụ thể, để người học lĩnh hội và nắm vững những tri thức, kỹ năng, nghề nghiệp một cách có hệ thống để chuẩn bị cho người đó thích nghi với cuộc sống và khả năng đảm nhận được một công việc nhất định. Khái niệm đào tạo thường có nghĩa hẹp hơn khái niệm giáo dục, thường đào tạo đề cập đến giai đoạn sau, khi một người đã đạt đến một độ tuổi nhất định, có một trình độ nhất định. Có nhiều dạng đào tạo: đào tạo cơ bản và đào tạo chuyên sâu, đào tạo chuyên môn và đào tạo nghề, đào tạo lại, đào tạo từ xa, tự đào tạo...

Vậy đào tạo được hiểu là hoạt động học tập nhằm giúp cho người lao động có thể thực hiện có hiệu quả hơn các chức năng, nhiệm vụ của mình. Nói một cách cụ thể đào tạo liên quan đến việc tiếp thu các kiến thức, kỹ năng đặc biệt, nhằm thực hiện những công việc cụ thể một cách hoàn hảo hơn.

1.3. Chính sách giáo dục và đào tạo.

Chính sách giáo dục và đào tạo là một trong những chính sách xã hội cơ bản trong hệ thống các chính sách xã hội của Nhà nước. Chính sách giáo dục và đào tạo là công cụ quản lý vĩ mô của Nhà nước đối với hoạt động giáo dục và đào tạo nhằm thực hiện mục tiêu Nhà nước về lĩnh vực này.

Chính sách giáo dục và đào tạo có mối quan hệ biện chứng với các chính sách xã hội khác đặc biệt là mối quan hệ giữa các chính sách lao động và việc làm, an sinh xã hội... Đối tượng của chính sách giáo dục đào tạo đó là con người, là vốn quý nhất, là nguồn lực cốt lõi để phát triển đất nước. Chính vì thế chính sách giáo dục và đào tạo luôn là mối quan tâm hàng đầu đối với mỗi quốc gia nhằm tạo ra nguồn nhân lực có trí tuệ cao, có tay nghề thành thạo, có phẩm chất tốt đẹp để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội. Kinh nghiệm cho thấy nếu không có chính sách phát triển giáo dục đào tạo đúng đắn sẽ không tạo được động lực để xã hội phát triển. Nhiều quốc gia đã coi chính sách phát triển giáo dục đào tạo là quốc sách hàng đầu.

Vậy chính sách giáo dục và đào tạo là hệ thống các quan điểm, mục tiêu của Nhà nước về giáo dục và đào tạo cùng các phương hướng, giải pháp nhằm thực hiện mục tiêu đó trong một giai đoạn nhất định.

1.4. Vai trò của giáo dục và đào tạo.

Giáo dục và đào tạo có vị trí, vai trò hết sức quan trọng đối với sự phát triển của mỗi quốc gia, dân tộc. Nhiều quốc gia trên thế giới đã đạt được những thành tựu to lớn trong quá trình phát triển nhờ sớm coi trọng vai trò của giáo dục và đào tạo như Nhật Bản với quan điểm coi “*Giáo dục đào tạo là quốc sách hàng đầu; cần kết hợp hài hoà giữa bản sắc văn hóa lâu đời phương Đông với những tri thức Phương Tây hiện đại*”; hay Singapore với phương châm “*Thắng trong cuộc đua về giáo dục sẽ thắng trong cuộc đua về phát triển kinh tế*”; Cường quốc Mỹ cũng luôn chú trọng đến việc “*Tập trung cho đầu tư giáo dục - đào tạo và thu hút nhân tài*”; một người bạn lớn của Việt Nam là Liên Xô trước đây cũng đã khẳng định “*Chính sách về con người là điểm bắt đầu và là điểm kết thúc của mọi chính sách kinh tế - xã hội*”.

Với vị trí quốc sách hàng đầu, giáo dục và đào tạo có vai trò là nền tảng, động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội. Vai trò của giáo dục và đào tạo được thể hiện rõ trong quan điểm của Đảng ở các kì đại hội. Nghị quyết TW2, khoá VIII đã khẳng định: “*Phát triển giáo dục và đào tạo là nền tảng, động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá hiện nay*”. Thêm vào đó, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X cũng

nhấn mạnh: “*Giáo dục và đào tạo là một trong những động lực thúc đẩy sự nghiệp Công nghiệp hóa, hiện đại hóa, là điều kiện để phát huy nguồn lực con người - yếu tố cơ bản để phát triển xã hội, tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững*”. Cương lĩnh xây dựng và phát triển đất nước trong thời kì quá độ lên CNXH (bổ sung, phát triển năm 2011) một lần nữa khẳng định lại quan điểm xuyên suốt của Đảng ta: “*Giáo dục và đào tạo có sứ mệnh nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, góp phần quan trọng phát triển đất nước, xây dựng nền văn hoá và con người Việt Nam*”. Trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011 - 2020 được thông qua tại Đại hội XI, vai trò của giáo dục và đào tạo lại được làm rõ: “*Giáo dục và đào tạo cần tập trung vào việc phát triển nhanh nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao*”.

Vai trò của giáo dục và đào tạo còn được khẳng định tại Nghị quyết Trung ương 8, Khoá XI: “*Giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước và của toàn dân. Đầu tư cho giáo dục là đầu tư cho phát triển, được ưu tiên đi trước trong các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội*”.

1.5. Cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân.

a. *Giáo dục mầm non*: Giáo dục mầm non thực hiện việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em từ 3 tháng tuổi đến 6 tuổi. Cơ sở giáo dục mầm non bao gồm:

- Nhà trẻ, nhóm trẻ nhận trẻ em từ ba tháng tuổi đến ba tuổi;
- Trường, lớp mẫu giáo nhận trẻ em từ ba tuổi đến sáu tuổi;
- Trường mầm non là cơ sở giáo dục kết hợp nhà trẻ và mẫu giáo, nhận trẻ em từ ba tháng tuổi đến sáu tuổi.

b. *Giáo dục phổ thông* gồm:

- Giáo dục tiểu học được thực hiện trong năm năm học, từ lớp một đến lớp năm. Tuổi của học sinh vào học lớp một là sáu tuổi;
- Giáo dục trung học cơ sở được thực hiện trong bốn năm học, từ lớp sáu đến lớp chín. Học sinh vào học lớp sáu có tuổi là mười một tuổi;
- Giáo dục trung học phổ thông được thực hiện trong ba năm học, từ lớp mười đến lớp mười hai. Học sinh vào học lớp mười phải có bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, có tuổi là mười lăm tuổi.

Cơ sở giáo dục phổ thông bao gồm:

- Trường tiểu học;